

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

Bản án số: 45/2023/HS-ST

Ngày: 07/9/2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Do;

Bà Nguyễn Thị Chín.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bưởi - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2023/TLST-HS, ngày 16 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Lâm Thái T, (tên gọi khác: Mum) sinh năm 1994, tại tỉnh G. Nơi cư trú: Thôn Ia Rốc, phường Chi Lăng, thành phố P, tỉnh G. Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Thái Hoà (đã chết) và bà Lâm Thị Ngọc; tiền án: 01: Ngày 20/3/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 36 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” tại Bản án số 14/2019/HSST (chưa xóa án tích); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 18/5/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 04 năm tù về tội “*Cướp tài sản*” tại Bản án số 55/2012/HSST và ngày 17/7/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 18 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*” tại Bản án số 91/2012/HSST (đã xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/7/2022, sau đó chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, ngày 24/7/2022, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh G khởi tố, đến ngày 08/11/2022 bị Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 04 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 176/2022/HSST (đã có hiệu lực pháp luật và chưa được tổng hợp hình phạt).

Ngày 14/9/2022, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố về tội “*Lạm dụng chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Hiện bị cáo đang chấp hành án tại trại giam Gia Trung, Cục C10, Bộ Công an theo Quyết định thi hành án hình phạt tù số 241/2022/QĐ-CA ngày 13/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

TA, sinh năm 2003. Trú tại: Làng Ring Rai, xã Hà Bầu, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

B, sinh năm 2004. Trú tại: Làng Ring Rai, xã Hà Bầu, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

Đại diện theo pháp luật cho bị hại B (là mẹ bị hại B): Chị Mark. Trú tại: Làng Ring Rai, xã Hà Bầu, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Phạm Hữu Nh, sinh năm 2000. Trú tại: Tổ 3, phường Phù Đồng, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

Anh Thái Đình V, sinh năm 1998. Trú tại: Tổ 7, phường Trà Bá, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

Anh Phạm Công Thanh, sinh năm 1996. Trú tại: Tổ 3, phường Trà Bá, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

Anh Lê Văn Thuận, sinh năm 1998. Trú tại: 59 Lê Quý Đôn, phường Ia Kring, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

- Người phiên dịch: Anh Nhữi, sinh năm 1987. Trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác: Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lâm Thái T không có nơi cư trú, nghề nghiệp ổn định, có mối quan hệ tình cảm và thường xuyên sinh sống tại nhà chị Nguyễn Thị Huyền Trang (sinh năm 2002) thuộc làng Ring Rai, xã Hà Bầu, huyện Đ, tỉnh G. Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2022 đến tháng 7/2022, Lâm Thái T đã thực hiện 01 vụ lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và 01 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn xã Hà Bầu, huyện Đ, tỉnh G. Cụ thể như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 29/6/2022, Lâm Thái T đi từ nhà chị Nguyễn Thị Huyền Trang sang nhà TA (sinh năm 2003, trú cùng làng) để mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Satria, biển số 81B3 – 058.99 của TA đi công việc, TA đồng ý

nên T điều khiển xe mô tô trên đi lên thành phố P, tỉnh G. Khi đi đến khu vực gần Trường tiểu học Võ Thị Sáu thuộc phường Hội Thương, thành phố P, tỉnh G, T bị người phụ nữ tên Loan (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) chặn lại đòi tiền nợ nên T đã đưa xe mô tô trên cho Loan để làm tin. Do không có tiền nên T nảy sinh ý định mang chiếc xe mô tô của TA đi cầm cố, thế chấp để trả nợ. Để cầm cố xe mô tô được nhiều tiền hơn, T nghĩ cách lấy Giấy tờ xe và Căn cước công dân của TA. Khoảng 22 giờ cùng ngày, T gọi điện thoại cho TA nói dối xe mô tô đã bị Công an tạm giữ nên nhờ TA đến chợ Trà Bá, thành phố P đón T về xã Hà Bầu. Khoảng 07 giờ ngày 30/6/2022, T cùng TA đi từ xã Hà Bầu, huyện Đ đến Công an thành phố P, tỉnh G, T nói TA đưa Giấy tờ xe mô tô và Căn cước công dân rồi giả vờ đi vào bên trong trụ sở, còn TA đứng ở ngoài đợi. Một lúc sau, T đi ra nói TA về trước vì chưa lấy được xe, T ở lại đợi lấy xe rồi về. TA không ghi ngờ gì nên đã đi về, còn T đi đến phòng trọ của Loan trên đường Phùng Hưng, phường Hội Thương, thành phố P rồi cùng Loan mang chiếc xe mô tô biển số 81B3 – 058.99 đi đến tiệm cầm đồ Đại Phú của anh Phạm Công Thanh tại phường Trà Bá, thành phố P để cầm cố xe. Khi cầm cố, T đeo khẩu trang và nói tên TA đồng thời đưa Giấy tờ xe cùng Căn cước công dân của TA nên anh Thanh đồng ý cầm cố xe mô tô biển số 81B3 – 058.99 với số tiền 20.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này, T đã trả nợ hết cho Loan. Khoảng hai ngày sau, T gọi điện cho anh Thanh xin tăng thêm số tiền 5.000.000 đồng đổi với chiếc xe mô tô đã cầm cố. Anh Thanh đồng ý và chuyển tiền vào số tài khoản của Nguyễn Thị Huyền Trang theo yêu cầu của T. Sau đó, T nhờ Trang rút toàn bộ số tiền này và sử dụng vào mục đích cá nhân.

Vì không có tiền tiêu xài và biết B có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sonic của hãng Honda, chưa có biển số nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này để mang đi cầm cố lấy tiền. Khoảng 19 giờ ngày 02/7/2022, T nhờ TA dẫn đến nhà B để T mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sonic nói dối để đi lấy xe mô tô biển số 81B3 – 058.99 cho TA vì ngày 30/6/2022 chưa lấy được nên B đồng ý giao xe. Ngày 03/7/2022, T điều khiển chiếc xe mô tô này đến nhà trọ của anh Lê Văn Thuận (sinh năm 1998) tại đường Lê Quý Đôn, phường Ia Kring, thành phố P nói dối là xe của T, chưa làm xong giấy tờ nên chưa có biển số nhưng đang cần tiền nên nhờ Thuận cầm cố. Thuận tin tưởng nên đồng ý cầm cố chiếc xe này với số tiền 9.000.000 đồng.

Sáng ngày 11/7/2022, anh Phạm Công Thanh gọi điện thoại cho T để thông báo đóng tiền lãi. Lúc này, T không có tiền chuộc xe nhưng vẫn muốn có thêm tiền từ chiếc xe này nên nhờ Phạm Hữu Nha bán chiếc xe mô tô biển số 81B3 – 058.99 nhưng Nha yêu cầu phải có sự đồng ý của chủ xe thì Nha mới mua. Khoảng 15 giờ cùng ngày, T đưa Giấy cầm cố xe mô tô biển số 81B3 – 058.99 cho Nha và nói lý do TA nợ tiền nên T mới bán, Nha tin tưởng nên không hỏi gì thêm. Khoảng 23 giờ

cùng ngày, T cùng Nha đi đến xã Hà Bầu, huyện Đ đón TA rồi cả ba đi đến nhà Nha tại Tổ 3, phường Phù Đồng, thành phố P. Tại đây, T nói Nha đưa Giấy cầm cố xe mô tô biển số 81B3 – 058.99 cho TA rồi T và TA đi ra ngoài nói chuyện. T nói cho TA biết việc cầm cố xe mô tô, đồng thời thuyết phục TA để Nha chuộc xe ra rồi tạm thời làm giấy bán xe cho Nha để không chịu tiền lãi, khi nào có tiền, T sẽ lấy lại xe nên TA đồng ý.

Khoảng 07 giờ ngày 12/7/2022, vì không có tiền nên Nha rủ Thái Đình Vũ cùng đi chuộc xe rồi cả hai cùng TA đến tiệm cầm đồ Đại Phú. Khi thấy xe bị hư hỏng nhiều, Vũ và Nha không muốn chuộc xe nhưng TA nhờ nên Vũ và Nha đồng ý với điều kiện TA phải viết giấy bán xe để làm tin. Do sợ chủ tiệm cầm đồ bán mất xe và để có thời gian trình báo cơ quan Công an nên TA đã đồng ý. Vì vậy, Vũ đã chuyển khoản số tiền 25.000.000 đồng và Nha trả số tiền lãi là 880.000 đồng cho anh Thanh để chuộc chiếc xe mô tô biển số 81B3 – 058.99. Sau đó, Vũ điều khiển xe mô tô biển số 81B3 – 058.99 đi sửa chữa, còn Nha và TA đi đến Văn phòng Công chứng Xuân Hiệp tại thành phố P, tỉnh G để làm thủ tục chuyển nhượng xe. Đến ngày 14/7/2022, biết đã bị Lâm Thái T lừa dối để chiếm đoạt xe nên TA làm đơn trình báo Công an huyện Đ. Ngày 20/7/2022, Lâm Thái T đến cơ quan Công an để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản của TA và B như đã nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 63/KL-HĐĐGTS ngày 22/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại SATRIA, biển số 81B3-058.99, số khung MH8DL11AZLJ229876, số máy CGA1ID229888 trị giá 32.000.000 đồng; Xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại SONIC 150R, không gắn biển số, số khung MH1KB1112JK186432, số máy KB11E1186153 trị giá 34.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại SATRIA, biển số 81B3-058.99, số khung MH8DL11AZLJ229876, số máy CGA1ID229888 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô trên cho anh TA.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại SONIC 150R, không gắn biển số, số khung MH1KB1112JK186432, số máy KB11E1186153, sau khi nhận cầm cố, Lê Văn Thuận đã cầm cố lại cho đối tượng tên Sang. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ chưa xác định được nhân thân, lai lịch của Sang nên chưa thu giữ được xe và làm rõ hành vi liên quan để xử lý.

** Về dân sự:*

Anh TA đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bị hại B và đại diện theo pháp luật của B là chị Mark yêu cầu bồi thường số tiền 40.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo Lâm Thái T đồng ý bồi thường số tiền 40.000.000 đồng.

Anh Phạm Hữu Nha yêu cầu bị cáo Lâm Thái T hoàn trả số tiền 880.000 đồng, anh Thái Đình Vũ yêu cầu bị cáo Lâm Thái T hoàn trả số tiền 25.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo Lâm Thái T đồng ý bồi thường số tiền này cho anh Nha và anh Vũ.

Tại bản Cáo trạng số: 10/CT-VKS ngày 13 tháng 2 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G truy tố bị cáo Lâm Thái T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với Lâm Thái T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lâm Thái T từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù. Về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lâm Thái T từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù. Về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của hai tội.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của Bản án này (và 04 (bốn) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 176/2022/HSST ngày 08/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Lâm Thái T không có tài sản riêng, không đảm B thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo. Nên không đề nghị áp dụng.

Về dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 584; Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lâm Thái T phải bồi thường cho bị hại B số tiền 40.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Lâm Thái T phải bồi thường cho anh Phạm Hữu Nha số tiền 880.000 đồng, anh Thái Đình Vũ số tiền 25.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo Lâm Thái T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm là 3.294.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Lâm Thái T đồng ý với quyết định truy tố và bản luận tội của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.
Căn cứ vào các tình tiết, chứng cứ nêu trên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo và hình phạt:

Trong khoảng thời gian tháng 6 và tháng 7 năm 2022, tại làng Ring Rai, xã Hà Bàu, huyện Đ, tỉnh G, Lâm Thái T đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của anh TA là xe mô tô biển số 81B3-058.99, nhãn hiệu SUZUKI, số loại SATRIA, số khung MH8DL11AZLJ229876, số máy CGA1ID229888 trị giá 32.000.000 đồng; lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh B là xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại SONIC 150R, không gắn biển số, số khung MH1KB1112JK186432, số máy KB11E1186153 trị giá 34.000.000 đồng.

Hành vi gian dối để người bị hại B giao tài sản rồi chiếm đoạt bằng cách mang đi cầm cố, thế chấp để lấy tiền tiêu xài do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật B vệ, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có trị giá 34.000.000 đồng nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, sau khi được người bị hại TA cho mượn tài sản để sử dụng, bị cáo đã mang tài sản này đi cầm cố, thế chấp. Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có trị giá 32.000.000 đồng nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy phải áp dụng cho bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mới đủ tính chất răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với anh Phạm Công Thanh là người đã cầm cố xe mô tô 81B3-058.99, nhãn hiệu SUZUKI, số loại SATRIA, số khung MH8DL11AZLJ229876, số máy

CGA1ID229888. Tuy nhiên, khi nhận cầm cố tài sản này, anh Thanh không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với Phạm Hữu Nha là người biết Lâm Thái T cầm cố xe mô tô của TA nhưng do T nói dối là do TA đang nợ tiền nên anh Nha đồng ý chuộc chiếc xe này. Nha hoàn toàn không biết đây là tài sản do T phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh Thái Đình Vũ là người đồng ý chuộc xe mô tô 81B3-058.99, nhãn hiệu SUZUKI, số loại SATRIA, số khung MH8DL11AZLJ229876, số máy CGA1ID229888. Tuy nhiên, anh Vũ không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

Đối với đối tượng tên Loan là người đã cùng Lâm Thái T mang chiếc xe mô tô của anh TA đi cầm cố, thế chấp để T lấy tiền trả nợ. Tuy nhiên, đến nay không xác định được nhân thân, lai lịch của Loan nên chưa làm rõ được hành vi liên quan. Kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tiếp tục điều tra, xác minh để xử lý đối tượng theo đúng quy định pháp luật.

Đối với anh Lê Văn Thuận là người đã cầm cố xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại SONIC 150R, không gắn biển số và không có giấy tờ xe, số khung MH1KB1112JK186432, số máy KB11E1186153 từ Lâm Thái T, việc thỏa thuận cầm cố bằng miệng với nội dung: số tiền cầm cố là 9.000.000 đồng, sau 3-4 ngày Lâm Thái T sẽ quay lại chuộc xe. Khi nhận cầm cố chiếc xe này, Lâm Thái T không nói với anh Thuận đây là tài sản do phạm tội mà có, tuy nhiên sau 3-4 ngày Lâm Thái T không quay lại lấy xe nên Thuận đã tự ý thế chấp chiếc xe này cho đối tượng tên Sang nên không thu hồi được chiếc xe. Ngày 02/8/2023, Hội đồng xét xử Tòa án nhân huyện Đ đã ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 05/2023/HSST-QĐ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị làm rõ hành vi trái pháp luật của Lê Văn Thuận như trên và đề nghị đối chất giữa anh Nguyễn Sỹ Sang với Lê Văn Thuận để làm rõ việc thế chấp chiếc xe và thu hồi chiếc xe trên. Ngày 11/8/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ có văn bản số 07/VKS thể hiện quan điểm của Viện kiểm sát về Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung là hoàn toàn không có cơ sở, giữ nguyên quan điểm truy tố theo cáo trạng, nên không có căn cứ để xử lý. Đối với đối tượng tên Sang đã nhận cầm cố lại chiếc xe trên từ Lê Văn Thuận. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ chưa xác định được nhân thân, lai lịch của Sang nên chưa thu giữ được xe và làm rõ hành vi liên quan để xử lý, nên chưa có căn cứ để xử lý.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lâm Thái T có nhân thân xấu (như đã nêu phần lý lịch). Bị cáo đang có một tiền án: Ngày 20/3/2019, bị Toà án nhân dân thành phố P xử phạt 36 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” tại Bản án số 14/2019/HSST (chưa xoá án tích) nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với cả hai tội.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại B và đại diện theo pháp luật của bị hại B là chị Mark yêu cầu bị cáo Lâm Thái T bồi thường số tiền 40.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 40.000.000 đồng. Hiện bị cáo chưa bồi thường. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bị hại là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Anh Phạm Hữu Nha yêu cầu bị cáo Lâm Thái T trả số tiền 880.000 đồng, anh Thái Đình Vũ yêu cầu bị cáo Lâm Thái T trả số tiền 25.000.000 đồng. Hiện bị cáo chưa hoàn trả số tiền này cho anh Nha, anh Vũ, tại phiên tòa bị cáo đồng ý trả theo yêu cầu này. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo Lâm Thái T phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 3.294.000 đồng (*ba triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự của Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự của Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 55; Điều 56 Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 584; Điều 586; Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

- Căn Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lâm Thái T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt:

Bị cáo Lâm Thái T 02 (hai) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Bị cáo Lâm Thái T 02 (hai) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Tổng hợp hình phạt của hai tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Bị cáo Lâm Thái T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 04 (bốn) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 04 (bốn) năm tù của hai tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” trong Bản án này (Bản án số 45/2023/HSST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G) và 04 (bốn) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 176/2022/HSST ngày 08/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G. Buộc bị cáo Lâm Thái T phải chấp hành hình chung là 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/7/2022.

3. Về dân sự:

Buộc bị cáo Lâm Thái T phải bồi thường cho bị hại B số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Buộc bị cáo Lâm Thái T phải trả cho anh Phạm Hữu Nha số tiền 880.000 đồng (tám trăm tám mươi nghìn đồng);

Buộc bị cáo Lâm Thái T phải trả cho anh Thái Đình Vũ số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

Xử buộc bị cáo Lâm Thái T phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 3.294.000 đồng (ba triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/9/2023), bị cáo và bị hại B và người đại diện theo pháp luật của bị hại B là chị Mark có quyền kháng cáo

bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại TA và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh G;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh G;
- Cơ quan Thi hành án tỉnh G;
- Cơ quan điều tra - Công an huyện Đ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Đ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ/VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Thơ